

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ
Số: 04/1998/TT-BKH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 1998

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn báo cáo quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
và các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam***

*Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996;
Căn cứ Nghị định số 12/CP ngày 18 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 1 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng,
nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư này hướng dẫn báo cáo quyết toán vốn đầu tư của
doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh.*

PHẦN I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, các Bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp BOT, BT, BTO (sau đây gọi là doanh nghiệp), sau khi hoàn thành xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình đưa vào khai thác sử dụng phải báo cáo quyết toán vốn đầu tư đã thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp phải xác định đầy đủ, chính xác vốn đầu tư thực hiện theo từng năm, theo nguồn vốn góp, vốn vay; tổng mức vốn đầu tư xây dựng công trình đưa vào khai thác sử dụng.
- Căn cứ vào Báo cáo quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp và kết quả giám định theo quy định tại Thông tư này, cơ quan cấp Giấy phép đầu tư xem xét cấp Giấy xác nhận đăng ký vốn đầu tư đã thực hiện.

PHẦN II

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ ĐÃ THỰC HIỆN

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày hoàn thành xây dựng công trình đưa vào khai thác sử dụng, doanh nghiệp phải gửi hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư đến cơ quan cấp Giấy phép đầu tư để được cấp Giấy xác nhận đăng ký vốn đầu tư đã thực hiện theo nội dung và yêu cầu sau:

I. NỘI DUNG BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ:

Báo cáo quyết toán vốn đầu tư phải thể hiện đầy đủ các khoản chi phí đầu tư; Báo cáo quyết toán vốn đầu tư bao gồm các nội dung sau:

1. Tổng số vốn đầu tư đã thực hiện dự án, bao gồm:

1.1. Giá trị máy móc, thiết bị và chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị;

1.2. Chi phí xây dựng công trình:

Chi phí cho các công việc dưới mặt đất (phá dỡ, móng, công trình ngầm);

Chi phí cho phần thân và hoàn thiện;

Chi phí về trang thiết bị bên trong công trình;

Các chi phí xây dựng cảnh quan (sân chơi, vườn hoa, cây cảnh...);

Các chi phí về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy;

Bảo hiểm xây dựng.

1.3. Chi phí khác: Lãi tiền vay, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn lập dự án, thiết kế, giám sát, quản lý, giám định, kiểm toán và các khoản chi hợp lý khác phù hợp với quy định hiện hành.

Các chi phí nộp phạt do vi phạm quy định của Nhà nước không được tính vào quyết toán vốn đầu tư.

2. Tổng vốn đầu tư đã thực hiện chia theo từng năm từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng; chia theo nguồn vốn góp, vốn đầu tư được thực hiện theo từng giai đoạn của công trình.

Đối với dự án đầu tư mà việc xây dựng và khai thác kinh doanh công trình được chia thành từng giai đoạn được quy định trong Giấy phép đầu tư thì báo cáo quyết toán vốn đầu tư được thực hiện theo từng giai đoạn của công trình.

Các chi phí nêu tại mục (1.1), (1.2) và (1.3) trên đây trong báo cáo quyết toán vốn đầu tư phải kèm theo chứng chỉ giám định hoặc kiểm toán theo các yêu cầu quy định trong phần III của Thông tư này.

II. HỒ SƠ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ:

Hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư bao gồm:

1. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư đã thực hiện của doanh nghiệp phải được lập theo mẫu quy định trong Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này. Đối với doanh nghiệp liên doanh: Báo cáo phải được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua và do Tổng Giám đốc ký.

Đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài: Báo cáo phải do Tổng Giám đốc Doanh nghiệp ký.

Đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh: Báo cáo phải do đại diện có thẩm quyền của các Bên hợp doanh cùng ký.

2. Chứng chỉ giám định, báo cáo kết quả giám định giá trị máy móc, thiết bị nhập khẩu của dự án.

3. Báo cáo kết quả kiểm toán hoặc giám định chi phí xây dựng, chi phí khác.

PHẦN III

VỀ GIÁM ĐỊNH MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ CHI PHÍ XÂY DỰNG

Giá trị máy móc, thiết bị, chi phí xây dựng công trình và chi phí khác trong Báo cáo quyết toán vốn đầu tư đều phải được giám định hoặc kiểm toán theo các quy định sau:

I. GIÁM ĐỊNH THIẾT BỊ, MÁY MÓC NHẬP KHẨU:

1. Thiết bị, máy móc nhập khẩu vào Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư phải được giám định về giá trị và chất lượng của thiết bị, máy móc trước khi nhập khẩu hoặc trước khi lắp đặt.

Thiết bị, máy móc nhập khẩu đã qua đấu thầu không phải giám định theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với thiết bị, máy móc đã qua sử dụng, doanh nghiệp ngoài việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, các quy định tại Giấy phép đầu tư, còn phải tuân thủ các quy định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng.

3. Nếu không có các quy định gì khác trong Giấy phép đầu tư và các quy định riêng về nhập khẩu, thì thiết bị, máy móc nguyên chiếc của dự án đầu tư có tổng vốn đầu tư từ 3 triệu USD trở lên phải được giám định theo quy định của Thông tư này.

4. Việc giám định thiết bị, máy móc đã lắp đặt trước ngày Thông tư này có hiệu lực do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định nếu xét thấy cần thiết.

5. Cơ quan Hải quan cửa khẩu Chính phủ kế hoạch nhập khẩu được Bộ Thương mại duyệt để cho phép nhập khẩu thiết bị, máy móc mà không đòi hỏi doanh nghiệp xuất trình chứng chỉ giám định đối với thiết bị, máy móc nhập khẩu.

6. Sau khi thực hiện giám định, tổ chức giám định phải cấp Chứng chỉ giám định. Chứng chỉ giám định phải thể hiện các nội dung sau:

Tên tổ chức giám định;

Địa điểm, thời gian thực hiện việc giám định;

Tên, ký mã hiệu, quy cách, năm sản xuất, nước sản xuất, nhà sản xuất, số lượng, tình trạng, chất lượng, đơn giá, giá trị của thiết bị, máy móc.

Kết luận về giá trị, chất lượng của thiết bị, máy móc;

Xác nhận trách nhiệm pháp lý của tổ chức giám định: dấu, chữ ký.

II. GIÁM ĐỊNH, KIỂM TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.

1. Trong trường hợp việc xây dựng công trình không thực hiện thông qua hình thức đấu thầu, doanh nghiệp phải thực hiện việc giám định hoặc kiểm toán chi phí xây dựng. Nội dung giám định hoặc kiểm toán chi phí xây dựng bao gồm:

Tính pháp lý của các hợp đồng kinh tế đã ký kết;

Khối lượng công việc xây lắp đã thực hiện của các hạng mục của dự án;

Tính phù hợp của các đơn giá áp dụng cho từng loại công việc;

Khối lượng, chi phí tăng giảm so với kế hoạch chi phí của dự án;

Các chi phí khác (chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, lãi suất huy động vốn vay...) của dự án.

Đánh giá và kết luận về chi phí xây dựng thực tế của dự án đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Sau khi thực hiện giám định hoặc kiểm toán, tổ chức giám định hoặc kiểm toán phải cấp Báo cáo giám định chi phí xây dựng cho chủ đầu tư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC GIÁM ĐỊNH:

1. Các tổ chức thực hiện giám định, thiết bị, máy móc nhập khẩu theo quy định của Thông tư này là Công ty giám định Việt Nam hoặc nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam và các tổ chức Nhà nước có chức năng giám định ở Việt Nam; Công ty giám định ở nước ngoài đối với việc giám định thiết bị, máy móc trước khi nhập khẩu.

Các tổ chức thực hiện giám định hoặc kiểm toán chi phí xây dựng là các công ty giám định hoặc kiểm toán Việt Nam, hoặc nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam; các tổ chức Nhà nước có chức năng thẩm định về chi phí xây dựng.

2. Tổ chức giám định thực hiện việc giám định trên cơ sở hợp đồng với các doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về kết quả giám định do mình thực hiện. Nếu phát hiện có thông đồng, gian lận trong việc giám định sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phí giám định do doanh nghiệp trả và được tính vào chi phí đầu tư của dự án.

4. Việc giám định chất lượng, kỹ thuật công trình xây dựng tuân theo các quy định hiện hành.

5. Trong trường hợp kết quả giám định không phù hợp với các quy định trong chứng từ mua bán hoặc thấp hơn giá trị doanh nghiệp khai báo thì doanh nghiệp phải điều chỉnh lại giá trị thực hiện theo kết quả giám định.

IV. TÁI GIÁM ĐỊNH:

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan cấp Giấy phép đầu tư hoặc Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể yêu cầu một tổ chức giám định khác thực hiện việc tái giám định toàn bộ hoặc một phần các chi phí đã được giám định trong báo cáo quyết toán vốn đầu tư của doanh nghiệp.

2. Việc tái giám định được coi như là trùng hợp nếu kết quả giá trị phần tái giám định có mức chênh lệch không vượt quá 5% và không quá 500.000 USD so với các giá trị đã được giám định trong Báo cáo quyết toán của doanh nghiệp theo mức vốn đầu tư của dự án.

3. Doanh nghiệp có quyền yêu cầu được giải thích, đối chất nếu kết quả tái giám định có sự khác biệt về giá trị so với các chi phí đã được giám định trong Báo cáo quyết toán của doanh nghiệp nhưng phải chấp hành quyết định của cơ quan cấp Giấy xác nhận đăng ký vốn đầu tư. Mọi khiếu nại, tranh chấp về giám định và tái giám định được xử lý theo quy định của pháp luật.